TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2020/DS-PT
Ngày 05 – 5 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Út

Ông Phạm Việt Trung

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hứa Như Nguyện là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:101/2020/QĐ-PT ngày17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thu H1, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: đường P, khóm 4, phường 2, thành phố C, tỉnh C.

- *Bị đơn:*

1. Chị Nguyễn Thị Cẩm H2, sinh năm 1984 (Có mặt)

2. Anh Nguyễn A, sinh năm 1981(Có mặt).

Cùng địa chỉ: đường L, khóm 5, phường 4, thành phố C ., tỉnh C

- *Người kháng cáo*: Chị Võ Thu H1 là nguyên đơn; chị Nguyễn Thị Cẩm H2 và anh Nguyễn A là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Chị Võ Thu H1 trình bày:*

Do mối quan hệ bạn bè với nhau, nên chị H1 cho vợ chồng anh Nguyễn A và chị Nguyễn Thị Cẩm H2 mượn tiền nhiều lần, không tính lãi nhưng chị H1 không nhớ rõ thời gian của mỗi lần mượn, khi cho mượn cũng không viết biên nhận. Đến ngày 08/8/2014, giữa chị H1 với chị H2 mới gặp nhau đối chiếu số tiền chị H2 mượn còn nợ là 1.456.000.000 đồng. Việc đối chiếu nợ, chị H2 và anh Nguyễn A có viết biên nhận, ký nhận nợ. Khi đó, các bên mới tính lãi nhưng lãi suất ghi trong biên nhận do các bên tự thỏa thuận, bởi lúc này vợ chồng chị H2 gặp

khó khăn nên không ghi cụ thể mức lãi suất. Sau đó, vợ chồng chị H2 không trả vốn và lãi nên ngày 28/6/2018, anh Nguyễn A ký xác nhận vợ chồng còn nợ chị H1 số tiền vốn nêu trên chưa trả. Do đó, chị H1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị H2 trả một lần hết số tiền nợ trên và tiền tính lãi từ ngày 08/8/2014 đến ngày 08/8/2019 với thời gian là 05 năm 06 tháng theo mức lãi suất 7%/năm tương ứng 0,58%/tháng với số tiền lãi là 509.600.000 đồng (không yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm). Tổng số tiền vốn và lãi là 1.965.000.000 đồng (một tỷ chín trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn). Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H1 yêu cầu vợ chồng chị H2 trả cho chị vốn, lãi là 1.765.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Cẩm H2 và anh Nguyễn A trình bày:

Ngày 02/02/2012 (dl), chị H2 vay của chị Võ Thu H1 số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 15%/ngày, mỗi ngày chị phải đóng lãi cho chị H1 với số tiền là 2.500.000 đồng, việc đóng lãi đầy đủ và có trả vốn nhưng chị không xác định trả bao nhiêu tiền vốn. Sau đó, tiếp tục vay lại của chị H1 13 lần (tính từ ngày 02/12/2012 đến tháng 6/2014) với số tiền vốn vay 1.456.000.000 đồng trong số tiền vốn có 100.000.000 đồng tiền lãi nhập vào, lãi suất thỏa thuận của mỗi lần vay là 5%, 10%, 15%, 20% và 30%. Quá trình vay tính đến ngày 01/8/2014, chị H2 đã trả được số tiền lãi là 2.116.889.000 đồng, việc vay không có làm biên nhận, việc trả lãi cũng không có ký nhận mà mỗi bên từ ghi sổ theo dõi. Do lãi cao và việc kinh doanh thua lỗ, nên chị H1 đồng ý không tính lãi cho chị. Từ đó, hai bên mới gặp nhau đối chiếu số tiền nợ vào ngày 08/8/2014 (dl), theo đó chị H2 cùng chồng là anh Nguyễn A viết biên nhận còn nợ chị H1 số tiền 1.456.000.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn A thừa nhận việc giao dịch vay nợ giữa chị H2 và chị H1; nhưng cho rằng việc giao dịch anh không biết và cũng không tham gia, đến ngày 08/8/2014 (dl) chị H1 và vợ anh có đối chiếu nợ nên anh mới biết và đồng ý cùng chị H2 trả số tiền nợ trên nhưng do thua lỗ trong kinh doanh, vợ chồng anh chưa trả được cho chị H1 khoản tiền nào đến ngày 28/6/2018, anh có ký xác nhận với chị H1 việc vợ chồng anh còn thiếu số tiền nợ trên chưa trả. Tại phiên tòa, chị H2 cùng chồng là anh Nguyễn A thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho chị H1 số tiền 1.456.000.000 đồng nhưng hiện nay, anh Nguyễn A và chị H2 mất khả năng thanh toán nên anh, chị xin trả trước cho chị H1 số tiền là 200.000.000 đồng, số tiền còn lại anh chị sẽ trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, nếu việc kinh doanh có lời nhiều anh chị sẽ trả cho chị H1 nhiều hơn và yêu cầu không tính lãi, không đồng ý trả lãi đối với khoản nợ trên. Bên cạnh đó, anh chị không đặt ra yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi suất đối với khoản tiền lãi đã trả cho chị H1. Đồng thời, tại biên nhận có thể hiện nội dung mẹ chị H2 là bà Nghiêm Ánh Nương có nhờ chị vay dùm của chị H1 số tiền 240.000.000 đồng nhưng số tiền này bà Ánh Nương đã đưa tiền cho chị H2 nhiều lần để trả cho chị H1, hiện bà Ánh Nương không còn nợ chị H1 nên anh Nguyễn A và chị H1 không đặt ra yêu cầu gì đối với bà Ánh Nương

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thu H1. Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm H2, anh Nguyễn A trả cho chị Võ Thu H1 các khoản với tổng số tiền là 1.765.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/3/2020, chị Nguyễn Thị Cẩm H2 và anh Nguyễn A có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không buộc anh chị trả lãi cho chị H1 số tiền 309.000.000 đồng.

Ngày 11/3/2020, chị Võ Thu H1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng buộc chị H2 và anh Nguyễn A trả cho chị số tiền vốn 1.456.000.000 đồng, tính mức lãi suất 20%/năm thời gian 05 năm 06 tháng bằng 3.057.600.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Võ Thu H1, chị Nguyễn Thị Cẩm H2 và anh Nguyễn A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà: Chị H1, chị H2 và anh Nguyễn A không phát biểu tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị H1, chị H2 và anh Nguyễn A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của chị Võ Thu H1, chị Nguyễn Thị Cẩm H2 và anh Nguyễn A, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Việc chị H2 và anh Nguyễn A nợ chị H1 số tiền vốn gốc 1.456.000.000 đồng là có thực tế, được chị H1 và anh Nguyễn A thừa nhận, phù hợp với biên nhận nợ do chị H2 ký ngày 08/8/2014 và anh Nguyễn A ký xác nhận nợ ngày 28/6/2018.

[2] Đối với lời trình bày của chị H2 cho rằng ngày 02/02/2012 (dl), chị H2 vay của chị H1 số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 15%/ngày, mỗi ngày chị phải đóng lãi cho chị H1 với số tiền là 2.500.000 đồng, việc đóng lãi đầy đủ và có trả vốn nhưng chị H2 không xác định trả bao nhiêu tiền vốn. Sau đó, tiếp tục vay lại của chị H1 13 lần (tính từ ngày 02/12/2012 đến tháng 6/2014) với số tiền vốn vay 1.456.000.000 đồng trong số tiền vốn có 100.000.000 đồng tiền lãi nhập vào, lãi suất thỏa thuận của mỗi lần vay là 5%, 10%, 15%, 20% và 30%; tính đến ngày 01/8/2014, chị H2 đã trả được số tiền lãi là 2.116.889.000 đồng, nhưng chị H1 không thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị H2 có cung cấp những giấy tờ do chị H2 tự ghi chép mà chị cho rằng để theo dõi việc giao dịch giữa chị H2 với chị H1, nhưng các tài liệu này không có chị H1 ký tên và chị H1

cũng không thừa nhận. Do đó chưa có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của chị H2 là có cơ sở.

[3] Theo giấy biên nhận nợ ngày 08/8/2014 có nội dung chị H2 có mượn của chị H1 số tiền 1.456.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận. Như vậy, giao dịch giữa chị H2 với chị H1 được xác định là hợp đồng vay có lãi. Do các bên không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể khi giao dịch, nhưng nay có tranh chấp về lãi suất, nên cần áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 để buộc chị H2 và anh Nguyễn A thanh toán cho chị H1 là phù hợp.

[4] Do tại cấp sơ thẩm chị H1 yêu cầu tính mức lãi suất 7%/năm (thấp hơn mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 476 của BLDS năm 2005), thời gian tính lãi suất từ ngày 08/8/2014 đến ngày 08/8/2019 bằng 05 năm 06 tháng, nên cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện của chị H1. Vậy số tiền lãi được xác định là: 1.456.000.000 đồng x 7%/năm x 05 năm 06 tháng = 509.600.000 đồng; tổng cộng vốn, lãi chị H2 và anh Nguyễn A phải trả cho chị H1 là 1.965.600.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm do chị H1 yêu cầu chị H2 và anh Nguyễn A thanh toán số tiền lãi bằng 309.000.000 đồng (giảm bớt cho chị H2 và anh Nguyễn A phần lãi 200.600.000 đồng), tổng cộng vốn, lãi chị H1 yêu cầu chị H2 và anh Nguyễn A phải trả số tiền là 1.756.000.000 đồng. Xét thấy, việc chị H1 giảm số tiền lãi cho chị H2 và anh Nguyễn A là tự nguyện, đồng thời có lợi cho chị H2 và anh Nguyễn A, nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị H1, buộc chị H2 và anh Nguyễn A trả cho chị H1 tổng số tiền vốn, lãi bằng 1.756.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của chị H2 và anh Nguyễn A không đồng ý trả cho chị H1 số tiền lãi 309.000.000 đồng cũng như kháng cáo của chị H1 yêu cầu buộc chị H2 và anh Nguyễn A trả tổng số tiền vốn, lãi bằng 3.057.600.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị Võ Thu H1, chị Nguyễn Thị Cẩm H2 và anh Nguyễn A, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là có căn cứ.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm chị H1, chị H2 và anh Nguyễn A phải chịu theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Võ Thu H1, chị Nguyễn Thị Cẩm H2 và anh Nguyễn A.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thu H1.

Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm H2 và anh Nguyễn A trả cho chị Võ Thu H1 tổng số tiền là 1.765.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày chị Võ Thu H1 *có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng chị* Nguyễn Thị Cẩm H2 *và anh Nguyễn A còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự .*

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm H2 và anh Nguyễn A phải chịu số tiền 64.950.000 đồng. Chị Võ Thu H1 không phải chịu án phí. Ngày 06/01/2020, chị H1 đã dự nộp số tiền 35.475.000 đồng theo biên lai số 0001277 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Võ Thu H1 phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 11/3/2020 chị H1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001575 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chuyển thu án phí.

Chị Nguyễn Thị Cẩm H2 và anh Nguyễn A phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 05/3/2020 chị H2 và anh Nguyễn A đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001539 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Huỳnh Văn Út - Phạm Việt Trung **Nguyễn Thành Lập**